

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày: 08-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2023/TLST-DS ngày 09/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐST-DS ngày 04/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Ng B Ch – chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện PT. Địa chỉ: số 177, Tôn Đức Thắng, khóm Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện PT, tỉnh An Giang.

Bà Châu uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Ng Ng, sinh năm 1981 – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện PT. Nơi cư trú: đường Phan Thanh Gi, khóm thị 1, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1964. Nơi cư trú: tổ 07, ấp Phú Đức A, xã Phú Thạnh, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lạc Thị Mỹ Ng, sinh năm 1993. Nơi cư trú: tổ 07, ấp Phú Đức A, xã Phú Thạnh, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Bà Ng có mặt; bà Đ có yêu cầu vắng mặt, chị Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Ng Ng đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào ngày 17/11/2011, bà Võ Thị Đ đại diện hộ gia đình vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện PT theo chương trình vay cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho chị Lạc Thị Mỹ Ng có chi phí học tập. Tổng số tiền vay 53.750.000 đồng, hạn trả ngày 17/9/2022 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 21/9/2022. Mức lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, quá hạn 0,845%/tháng. Đến hạn trả đã nhắc nhở nhiều lần, đến ngày 04/01/2023 còn nợ vốn 53.750.000 đồng, tiền lãi chưa phát sinh.

Vào ngày 23/3/2023, Tòa án đã tiến hành hòa giải, bà Đ thống nhất còn nợ số tiền như trên và đồng ý chịu trách nhiệm toàn bộ, phương thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, tiền lãi trả riêng mỗi tháng không đề cập vào nội dung thoả thuận. Nguyên đơn đồng ý và có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với chị Ng về trách nhiệm liên đới trả nợ. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn có văn bản thay đổi ý kiến vì nếu bà Đ không thực hiện trả lãi mỗi tháng thì lại phải khởi kiện đòi tiền lãi. Hiện nay, bà Đ còn nợ gốc 50.750.000 đồng và lãi 31.700 đồng. Ngân hàng đồng ý cho bà Đ trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt số tiền 50.781.700 đồng, thời gian trả 15/6/2023 theo thoả thuận trước đây vào ngày 15 hằng tháng.

Theo biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Đ trình bày: Bà và chị Lạc Thị Mỹ Ng có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện PT, số tiền còn nợ đúng như ngân hàng khởi kiện. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Ng hiện nay chưa có nghề nghiệp ổn định nên bà sẽ chịu trách nhiệm trả đối với khoản nợ trên. Do phải giữ con dùm cho Ng ở xa, nên xin vắng mặt tại các phiên họp, hoà giải, xét xử. Ý kiến này thay cho đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lạc Thị Mỹ Ng: Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi với chị Lạc Thị Mỹ Ng về trách nhiệm liên đới với bà Đ về việc trả tiền vay còn nợ. Công nhận sự thoả thuận của Ngân hàng chính sách xã hội và bà Đ, bà Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 50.781.700 đồng, phương thức trả

dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/6/2023. Bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện PT với bà Võ Thị Đ, chị Lạc Thị Mỹ Ng có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận (chi phí học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn). Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đ là bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Thạnh, huyện PT, An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Mặc dù giao dịch dân sự được xác lập vào 17/11/2011 khi Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Bà Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt; chị Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và chị Ng.

[1.5] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ liên đới với bà Đ trả tiền vay. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Ng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chị Ng có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 17/11/2011, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện PT đã chấp thuận cho bà Đ và chị Ng vay số tiền vốn 53.750.000 đồng. Bà Đ thừa nhận có cùng chị Ng vay tiền và còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu, nên đây là tính tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đ đồng ý chịu trách nhiệm toàn bộ đối với số tiền còn nợ 50.781.700 đồng và Ngân hàng đồng ý, không yêu cầu chị Ng chịu trách nhiệm liên đới, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Đối với ý kiến của bà Đ xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, tại

phiên toà, yêu cầu này được nguyên đơn đồng ý, phù hợp với thoả thuận tại phiên hoà giải ngày 22/3/2023 nên công nhận sự thoả thuận của các đương sự, bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.781.700 đồng (vốn 50.750.000 đồng, lãi 31.700 đồng), thời gian và phương thức thanh toán: mỗi tháng trả 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ, bắt đầu trả kỳ đầu tiên vào ngày 15/6/2023.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Chính sách xã hội không phải chịu án phí. Bà Đ phải chịu án phí có giá ngạch (50.750.000 đồng $\times$ 5% = 2.540.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2, khoản 8, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 463, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chị Lạc Thị Mỹ Ng có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay.

2. Công nhận sự thoả thuận của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội với bị đơn bà Võ Thị Đ.

Bà Võ Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay 50.781.700 đồng (vốn 50.750.000 đồng, tiền lãi 31.700 đồng). Thời gian và phương thức thanh toán: mỗi tháng trả 3.000.000 đồng đến khi dứt số tiền 50.781.700 đồng, bắt đầu trả kỳ đầu tiên vào ngày 15/6/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí và thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí.

Bà Võ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi ngàn).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đ và chị Ng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.